

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HS-ST  
Ngày 09-9-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vương Văn Mù;

Ông Nguyễn Văn Quốc.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** Ông Võ Trường Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2022/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2022 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 10/TB-TA ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ **Võ Hoàng D**, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2004, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp V, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú hiện nay: ấp X, xã S, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Võ Liêu Thị Thu H; vợ, con: không; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 09-5-2022, chuyển tạm giam từ ngày 17-5-2022 đến nay; bị cáo có mặt.

2/ **Nguyễn Quốc Đ**, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2001, tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp U, xã V, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú hiện nay: ấp F, xã S, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Mỹ V (đã chết); vợ, con:

không; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 08-5-2022, chuyển tạm giam từ ngày 17-5-2022 đến nay; bị cáo có mặt.

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Võ Hoàng D:** bà Võ Liêu Thị Thu H, sinh năm 1987; cư trú tại: khu phố G, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh - là mẹ ruột của bị cáo D; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Võ Hoàng D:** ông Lê Minh Hiền – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Đ:** ông Lê Thanh E – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Bị hại:** anh Nguyễn Thanh J, sinh năm 1998; cư trú tại: khu phố B, Phường A, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: khu phố O, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Lê Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp U, xã V, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; có mặt.

2/ Công ty Tài chính MS; địa chỉ: phường Q, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 07-5-2022, Võ Hoàng D (17 năm 08 tháng 02 ngày tuổi) điện thoại rủ Nguyễn Quốc Đ đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì Đ đồng ý. Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, biển số 70PA-4085 chở Đ đi trên Quốc lộ 22 theo hướng từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Khi đến khu vực khu phố K, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thì cả hai nhìn thấy anh Nguyễn Thanh J điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển số 66N1-443.02 chạy cùng chiều phía trước, trên tay trái có cầm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu xanh. Lúc này, D điều khiển xe áp sát bên trái xe của anh J, Đ ngồi sau dùng tay phải giật lấy điện thoại rồi bỏ chạy. Anh J cùng người dân truy đuổi đến khu vực ngã tư Trảng Bàng thuộc khu phố Lộc Du, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng thì bắt giữ được Đ, D chạy thoát. Đến ngày 09/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng tiến hành bắt khẩn cấp đối với D để làm rõ xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 10-5-2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 trị giá 1.900.000 đồng.

Cáo trạng số 40/CT-VKSTrB ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố Võ Hoàng D, Nguyễn Quốc Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo D - bà Võ Liêu Thị Thu H trình bày:* bà là mẹ ruột của bị cáo D. Sau khi vụ việc xảy ra, bị cáo D có tác động, nhờ bà bồi thường, hỗ trợ chi phí điều trị cho anh J. Bà đã bồi thường cho anh J số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, nay bà không yêu cầu bị cáo trả lại cho bà số tiền này, xin Hội đồng xét xử xử phạt cho bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm về với gia đình.

*Bị hại – anh Nguyễn Thanh J trình bày:* sau khi xảy ra vụ án, anh đã được nhận lại tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu xanh. Gia đình của các bị cáo cũng đã bồi thường cho anh số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng, nay anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn N trình bày:* ông là cha ruột của bị cáo Đ. Sau khi vụ việc xảy ra, bị cáo Đ có tác động, nhờ ông bồi thường, hỗ trợ chi phí điều trị cho anh J. Ông đã bồi thường cho anh J số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, nay ông không yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền này.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc Đ và Võ Hoàng D phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Về hình phạt:

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Võ Hoàng D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị phạt bổ sung bị cáo Đ từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận anh Nguyễn Thanh J đã nhận lại tài sản và số tiền bồi thường là 3.000.000 đồng, anh J không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

*Người bào chữa cho bị cáo Võ Hoàng D bào chữa tại phiên tòa:* qua cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo D là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi bị bắt, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người dưới 18 tuổi, chưa đủ nhận thức về pháp luật; gia đình bị cáo đã nộp các tài liệu chứng minh gia đình bị cáo có người tham gia cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo D từ 18 đến 24 tháng tù để bị cáo sớm trở về với gia đình, phấn đấu làm người tốt cho xã hội.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Đ bào chữa tại phiên tòa:* thống nhất về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân truy tố đối với bị cáo. Đồng tình với các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo mà Kiểm sát viên nêu trong phần luận tội là “thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải”; đồng thời đề nghị xem xét việc gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ nghèo tại địa phương. Bị cáo bị bạn bè rủ rê, xúi giục thực hiện phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu, có ông nội là người tham gia cách mạng; sau khi bị bắt, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Do gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo D, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

*Lời nói sau cùng của các bị cáo:*

Bị cáo D: bị cáo rất hối hận về hành vi của bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Đ: bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là sai và bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm trở về phụ giúp gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Tài chính MS đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty Tài chính MS theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Hoàng D và Nguyễn Quốc Đ đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 21 giờ 40 phút ngày 07-5-2022, trên Quốc lộ 22 đoạn thuộc khu phố K, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Võ Hoàng D điều khiển xe mô tô chở theo Nguyễn Quốc Đ ngồi phía sau đã thực hiện hành vi giật điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 trị giá 1.900.000 đồng của anh Nguyễn Thanh J rồi nhanh chóng tẩu thoát thì bị truy đuổi và bắt quả tang.

Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo đã dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô làm phương tiện để thực hiện hành vi công khai, bắt ngờ giật lấy tài sản của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát. Do đó, có đủ cơ sở để xác định: hành vi của các bị cáo Võ Hoàng D và Nguyễn Quốc Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, khi quyết định hình phạt cần thiết phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng: trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo D và Đ là đồng phạm giản đơn; giữa các bị cáo không chuẩn bị công cụ, không bàn bạc và phân công vai trò cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ với nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo D: bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Đ tham gia thực hiện hành vi cướp giật, khi phát hiện người đi đường đang sử dụng điện thoại thì bị cáo đã điều khiển xe áp sát xe của người đi đường để bị cáo Đ ngồi sau thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự chính đối với hành vi phạm tội đã gây ra. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo D là người dưới 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định của pháp luật về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo D.

Đối với bị cáo Đ: khi được bị cáo D rủ đi thực hiện việc cướp giật tài sản thì bị cáo không can ngăn mà ngược lại cũng đồng ý tham gia cùng D và bị cáo trực tiếp thực hiện việc cướp giật tài sản của anh J. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử còn xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cụ thể:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường chi phí điều trị cho anh J; tại phiên tòa, anh J đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trước khi mở phiên tòa, gia đình bị cáo D và bị cáo Đ có cung cấp cho Tòa án các tài liệu là Bằng Tổ quốc ghi công của các Liệt sỹ nhưng không cung cấp

được tài liệu, giấy tờ chứng minh các Liệt sỹ là thân nhân của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: bị cáo D chưa đủ 18 tuổi nên được miễn hình phạt bổ sung. Bị cáo Đ có tài sản là 01 xe mô tô nên cần phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Các biện pháp tư pháp:

[7.1] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra, truy tố, bị hại là anh Nguyễn Thanh J đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu xanh và được gia đình các bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng (bao gồm chi phí sửa chữa xe mô tô, chi phí khám và điều trị thương tích và chi phí nghỉ việc tại nhà). Anh J không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên cần ghi nhận, không đặt ra giải quyết.

[7.2] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, loại RAIDER, màu trắng-xanh, số máy: CGA1539113, số khung: 11ANLV139039, dung tích xi lanh 147 cm<sup>3</sup>, đã qua sử dụng; 01 (một) biển số xe máy số 94K2-060.02 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 116121, tên chủ xe Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 05/6/2001, nơi thường trú: Nam Hưng, Vĩnh Hưng, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu, biển số đăng ký: 94K2-060.02 (bản sao công chứng) thu giữ của bị cáo Đ, được bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội: quá trình điều tra xác định xe mô tô này do bị cáo Đ đứng tên chủ sở hữu. Xe mô tô này có nguồn gốc là do bị cáo vay tiền mua hàng trả góp của Công ty Tài chính MS. Tuy nhiên, hiện tại bị cáo Đ vẫn chưa trả góp hết số nợ vay theo thỏa thuận tại hợp đồng và đã thế chấp bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đối với xe mô tô biển số 94K2-060.02 này cho Công ty Tài chính MS để đảm bảo khoản nợ vay. Do đó, bị cáo không phải chủ sở hữu toàn phần đối với xe mô tô này. Để đảm bảo quyền lợi của bên cầm cố, thế chấp và đảm bảo việc thi hành án, xét thấy không cần thiết phải tịch thu xe mô tô này nên Hội đồng xét xử trả lại xe mô tô này cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, Công ty Tài chính MS không yêu cầu thu hồi nợ đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 9S, màu đen, số IMEI 1: 862234051642488, số IMEI 2: 862234051642496 và 02 (hai) sim số: 0961750265 và 0706344630; đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12, màu đen, số IMEI 1: 353552680776153, số IMEI 2: 355147550776157 và 01 (một) sim số 0921478588; đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo D và bị cáo Đ: các bị cáo đã sử dụng điện thoại di động này để liên

lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) căn cước công dân số 095201003932, họ và tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 05/6/2001, nơi thường trú: ấp U, xã V, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (bản gốc) và 01 (một) căn cước công dân số 079204020983, họ và tên Võ Hoàng D, sinh ngày 05/9/2004, nơi thường trú: ấp V, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (bản gốc) không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 (một) biển số xe mô tô số 70PA-4085 và 01 (một) cờ lê 10, bằng kim loại dài 14 cm; đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

Xét lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo: như đã phân tích trên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét toàn diện các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của các bị cáo nên lời bào chữa của người chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng D **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 09-5-2022.

**2.** Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ **03 (ba) năm** tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08-5-2022.

Phạt bổ sung bị cáo Đ số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

**3.** Các biện pháp tư pháp:

**3.1.** Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận anh Nguyễn Thanh J đã nhận lại tài sản; bà Võ Liêu Thị Thu H (mẹ ruột của bị cáo D) và ông Lê Văn N (cha ruột của bị cáo Đ) đã bồi thường cho

anh Nguyễn Thanh J số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng. Anh J không yêu cầu bồi thường gì thêm.

**3.2. Về xử lý vật chứng:** căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 9S, màu đen, số IMEI 1: 862234051642488, số IMEI 2: 862234051642496 và 02 (hai) sim số: 0961750265 và 0706344630 (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12, màu đen, số IMEI 1: 353552680776153, số IMEI 2: 355147550776157 và 01 (một) sim số 0921478588 (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc Đ:

+ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, loại RAIDER, màu trắng-xanh, số máy: CGA1539113, số khung: 11ANLV139039, dung tích xi lanh 147 cm<sup>3</sup>, đã qua sử dụng; 01 (một) biển số xe máy số 94K2-060.02; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 116121, tên chủ xe Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 05/6/2001, nơi thường trú: Nam Hưng, Vĩnh Hưng, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu, biển số đăng ký: 94K2-060.02 (bản sao công chứng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (một) căn cước công dân số 095201003932, họ và tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 05-6-2001, nơi thường trú: ấp U, xã V, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (bản gốc).

- Trả cho bị cáo Võ Hoàng D: 01 (một) căn cước công dân số 079204020983, họ và tên Võ Hoàng D, sinh ngày 05/9/2004, nơi thường trú: ấp V, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (bản gốc).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số xe mô tô số 70PA-4085 và 01 (một) cờ lê 10, bằng kim loại dài 14 cm; đã qua sử dụng.

**4. Án phí:** căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Võ Hoàng D, Nguyễn Quốc Đ mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo D, người bào chữa cho bị cáo D, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Tài chính MS vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao TP.HCM;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Thư**